

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 438/2019/HSPT

Ngày: 16 - 12 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lượng

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương

Ông Vũ Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 281/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Trần Thanh S; do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 296/2019/HS-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị cáo: Trần Thanh S (tên gọi khác: S Dòi), sinh ngày 02 tháng 10 năm 1986, tại Cần Thơ.

Nơi cư trú: Số 343, Tổ 14, Khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn V, sinh năm 1964 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1965; Có vợ: Trần Thị Diễm V, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: Ngày 26/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 20.000.000 đồng về tội đánh bạc.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” (Điều 143 Bộ luật Hình sự 1999) theo Bản án số 591/HSST ngày

20/10/2004.

+ Bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về tội “Giết người” (Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999) và tội “Cố ý gây thương tích” (Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999) theo Bản án số 179/2008/HSST ngày 25/7/2008.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/04/2019, theo lệnh số 41 ngày 23/04/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Được trả tự do theo Quyết định trả tự do cho bị cáo số 438/2019/HSST-QĐ ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang tại ngoại (Bị cáo có mặt).

Bị hại:

- Anh Lê Thanh C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 145/17, Tổ 29, Khu phố 9, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.(có mặt).

- Anh Nguyễn Khoa N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 145/17, Tổ 29, Khu phố 9, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1959; là luật sư thuộc văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2017, Trần Thanh S mua một lô đất ngang 5m dài 23m tại khu vực tổ 29, khu phố 8A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, của anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1985, ngụ tại: Số 111, tổ 29, khu phố 8, phường L, thành phố B theo dạng viết giấy tay, đất không có nguồn gốc và xảy ra tranh chấp đất với gia đình bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968, ngụ tại tổ 13, phường Tân B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 11 năm 2018, Lê Thanh C, sinh năm 1987, Nguyễn Khoa N, sinh năm 1988, cùng ngụ tại: Số 145/17, tổ 13, khu phố 9, phường T, thành phố B (là con trai và con rể bà B) đang trông trụ gỗ để làm ranh giới trên phần đất tranh chấp với S thì đối tượng tên N (chưa rõ họ, địa chỉ) nhìn thấy, điện thoại báo tin cho S biết. Lúc này, S đang uống cà phê với mấy người bạn tại khu phố 2, phường L, Sang có kể lại việc tranh chấp đất, các đối tượng T1, T2, T3, V, B, T4 và N (đều chưa rõ họ, địa chỉ) tự ý đi đến lô đất tranh chấp, thì xảy ra cãi vã, tranh giành đất. S nói cả bọn xô đổ tôn và các trụ

gỗ trồng trên đất đồng thời dùng búa tạ đập phá tường rào , thấy vậy anh Lê Thanh C vào ngăn cản , dẫn đến xô xát hai bên , S nhặt 01 cục gạch xây dựng kích thước 8x18 cm đập vào đầu của anh C , còn các đối tượng đi theo thì dùng dao và ống tuýp sắt cũng lao vào đánh anh C, thấy anh C bị đánh nên anh N vào can, nên cũng bị S và đồng bọn đánh. Hậu quả, anh C và anh N bị thương tích vùng đầu, mặt và xây xát trên cơ thể nên được người nhà đưa đến điều trị tại bệnh viện Đồng Nai. Đến ngày 26 tháng 12 năm 2018, anh Lê Thanh Ch đã làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án , khởi tố bị can đối với Trần T thanh S cùng đồng bọn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa để điều tra xử lý.

Vật chứng vụ án: Viên gạch, con dao và ống tuýp sắt S và đồng bọn dùng đánh anh C và anh N . Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được, do đối tượng đã vứt bỏ và cầm theo khi bỏ trốn.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1006/TgT/2018 ngày 11/12/2018 của Trung tâm pháp y Đồng Nai , kết luận thương tích của anh Nguyễn Khoa N: “Không định tỷ lệ cho chấn thương phần mềm vùng đầu , mặt không để lại sẹo, không để lại di chứng. Vật gây thương tích là vật tày”.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1007/TgT/2018 ngày 11/12/2018 của Trung tâm pháp y Đồng Nai , kết luận thương tích của anh Lê Thanh C: “Sẹo thái dương đỉnh trái kích thước 04x0,3cm, thương tích do vật sắc; chấn thương trán, ngực, vai phải, tay hai bên và đùi hai bên do vật tày. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02%”.

Về dân sự, trong quá trình điều tra, truy tố anh Lê Thanh C , anh Nguyễn Khoa N không yêu cầu Trần Thanh S phải bồi thường chi phí điều trị bệnh.

Quá trình chuẩn bị tiến hành xét xử, gia đình bị cáo Trần Thanh S có đơn xin nộp tiền bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, số tiền là 5.000.000 đồng và được Tòa án chấp nhận.

Tại Cáo trạng số: 265/CT/VKS-BH ngày 29 tháng 5 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Trần Thanh S về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 296/2019/HS-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà đã tuyên:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Khoản 3 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên bố, bị cáo Trần Thanh S phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh S 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó, từ ngày 23 tháng 4 năm 2019 đến ngày 05 tháng 7 năm 2019, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự).

Trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo Trần Thanh S, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

Giao bị cáo Trần Thanh S cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nơi bị cáo thường trú) giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Thanh S.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 590 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Thanh S bồi thường thiệt hại cho anh Lê Thanh C số tiền là 40.000.000đ;

Buộc bị cáo Trần Thanh S bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Khoa N số tiền là 6.310.000đ;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000đ của bị cáo Trần Thanh S, theo biên lai thu tiền số 000220, ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; để đảm bảo việc thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/7/2019, bị hại Lê Thanh C có đơn kháng cáo đề nghị tuyên buộc bị cáo S 03 năm tù giam; buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Lê Thanh C 40.000.000 đồng và bị hại Nguyễn Khoa N 6.310.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo bổ sung kháng cáo toàn bộ bản án cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm bà tội danh, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án:

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án và đơn kháng cáo của bị hại, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai thấy rằng: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng tội danh. Tuy nhiên, về lý lịch bị cáo có 03 tiền án; Đối với 02 tiền án năm 2004 và 2008 đã được xóa án tích lẽ ra phải ghi trong phần nhân thân để đánh giá tính chất mức độ và ý thức phạm tội của bị cáo nhưng cấp sơ thẩm không ghi là vi phạm; Đối với tiền án thứ 03, bị cáo phạm tội “Đánh bạc” bị phạt tiền 20.000.000 đ (hai

mười triệu) chưa chấp hành xong là đúng. Bị cáo phạm tội lần này là tái phạm nhưng cấp sơ thẩm nhận định bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và tuyên phạt bị cáo hình phạt “Cải tạo không giam giữ” là chưa nghiêm. Theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TANDTC đối với trường hợp của bị cáo là không được xét xử án treo và hình phạt “Cải tạo không giam giữ” là hình phạt nhẹ hơn án treo nên cũng không được áp dụng. Đối với kháng cáo của người bị hại đề nghị xem xét tăng hình phạt và chuyển sang tù giam là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm chuyển sang hình phạt khác phù hợp và đúng quy định hơn. Đối với kháng cáo bỏ lọt tội đối với các đồng phạm khác và hành vi cướp tài sản không có căn cứ xem xét vì các đồng phạm không thu thập được nhân thân, địa chỉ nên cơ quan điều tra đã tách ra điều tra xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không kháng cáo chỉ yêu cầu thực hiện việc bồi thường như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên đề nghị giữ nguyên phần dân sự buộc bồi thường như cấp sơ thẩm là thỏa đáng.

Luật sư Nguyễn Trọng T nêu quan điểm:

Bản án hình sự sơ thẩm số: 296/2019/HS-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà đã tuyên là chưa khách quan, chưa đánh giá toàn diện, đầy đủ các chứng cứ trong hồ sơ như: Bị cáo có 03 tiền án nhưng chỉ ghi là 01 tiền án về tội “Đánh bạc” (năm 2017) còn 02 tiền án trước (năm 2004 và 2008) mặc dù đã được xoá án tích nhưng cũng phải ghi trong phần nhân thân để đánh giá tính chất mức độ và ý thức phạm tội của bị cáo mà cấp sơ thẩm không nêu trong bản án là thiếu khách quan; Luật sư đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về vấn đề này.

Về nội dung vụ án, qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, cấp sơ thẩm chưa làm rõ vai trò của những đồng phạm đã tham gia gây thương tích cho bị hại mà tách ra điều tra xử lý sau là không thỏa đáng. Vì đây có thể là vụ án phạm tội có tổ chức mà chủ mưu là bị cáo S kêu gọi những đồng phạm khác cùng tham gia. Mặt khác, trong vụ án còn thể hiện bị hại bị lấy mất điện thoại khi bị đánh đến ngày hôm sau mới được người nhà bị cáo trả lại và cho rằng đã nhặt được là không đúng mà có dấu hiệu của tội “Cướp tài sản” nhưng cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ là vi phạm thủ tục tố tụng, bỏ lọt tội phạm về tội danh nêu trên. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên huỷ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra xét xử lại một cách khách quan và đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Hành vi của bị cáo Trần Thanh S đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Xét trong vụ án này, bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, là người giúp sức trong việc gây thương tích cho bị hại; Căn cứ vào lời khai của bị hại là anh C xác định: “...khi đến tôi không thấy S rồi cầm hung khí gì, cũng không thấy Sang rồi đánh vì khi tôi bị đánh, bị đè xuống nên không nhìn thấy ai đánh tôi, cũng không nhìn thấy ai đánh N vì khi này trời nhá nhem tối...” (bút lục 56, 57). Thương tích của bị hại được xác định là “Sẹo thái dương đỉnh trái kích thước 04 x 0,3cm, thương tích do vật sắc; chấn thương trán, ngực, vai phải, tay hai bên và đùi hai bên do vật tày . Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02%” (Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1007/TgT/2018 ngày 11/12/2018 của Trung tâm pháp y Đồng Nai). Như vậy, căn cứ theo kết quả trên thì vật gây thương tích là vật sắc, không phải là vật tày (gạch) mà bị cáo S dùng để đánh anh C, do đó thương tích 02% không phải do bị cáo S trực tiếp gây ra. Bị cáo S là người đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, là thuộc trường hợp tái phạm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền là 5.000.000đ; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, được Chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo có con còn nhỏ tuổi. Ngoài ra tại phiên tòa, bị cáo còn khắc phục nộp thêm khoản tiền bồi thường cho bị hại 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, mức án 01 (một) năm cải tạo không giam giữ là thỏa đáng, đúng người, đúng tội và phù hợp.

Bị hại anh Lê Thanh C kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt, áp dụng mức án 03 năm tù giam đối với bị cáo, nhưng xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng, đã bị tạm giam 02 tháng 12 ngày tù, trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt quy định của pháp luật, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam

giữ đối với bị cáo là cũng đủ rắn đe đối với bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đối với phần trách nhiệm dân sự, anh C đề nghị tuyên buộc bị cáo S bồi thường cho anh Lê Thanh C số tiền 40.000.000 đồng và cho anh Nguyễn Khoa N số tiền 6.310.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy phần này đã được xem xét và tuyên trong bản án sơ thẩm, anh C không kháng cáo đề nghị tăng hay giảm mức bồi thường mà vẫn giữ nguyên theo bản án sơ thẩm, do đó không có căn cứ xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên toà không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo chỉ phạm tội với vai trò đồng phạm, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, người bị hại chỉ bị gây thương tích 02% thương tật là nhẹ và thương tích này cũng không do bị cáo gây ra mà do các đồng phạm khác chưa làm rõ được. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục thêm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ngoài ra, bị cáo cũng đã bị tạm giam 02 tháng 12 ngày tù, như vậy mức án tuyên phạt trên cũng là thoả đáng với quy định của pháp luật và không vi phạm nghị quyết 02/2018/HĐTP-TANDTC ngày 15 tháng 5 năm 2018 vì Nghị quyết quy định không được cho hưởng “án treo”, không quy định xét xử đối với hình phạt “Cải tạo không giam giữ”.

[4] Ý kiến và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tại phiên toà đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, để điều tra, xét xử lại là không có cơ sở chấp nhận. Việc cấp sơ thẩm không ghi nhân thân bị cáo cũng là phù hợp bởi lẽ các tiền án đã được xoá án tích thì xem như không có án nên không nhất thiết phải ghi trong bản án về nhân thân.

Đối với ý kiến bỏ lọt tội các đồng phạm, phạm tội có tổ chức trong vụ án và hành vi cướp tài sản của bị hại là không có căn cứ chấp nhận. Trong vụ án này cơ quan điều tra không thu thập được nhân thân lai lịch và địa chỉ của những đồng phạm cùng tham gia nên không làm rõ được vai trò tham gia của các đồng phạm đã tách ra điều tra xử lý sau là phù hợp. Bị cáo S bị bắt thì điều tra xử lý đối với bị cáo S là đúng quy định, còn lại sẽ điều tra xử lý sau đối với các đồng phạm khác cũng phù hợp pháp luật. Do đó bản án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

[5] Về án phí: Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại Anh Lê Thanh C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại anh Lê Thanh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự.

2. Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 134; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 36; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh S 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó, từ ngày 23 tháng 4 năm 2019 đến ngày 05 tháng 7 năm 2019.

Giao bị cáo Trần Thanh S cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Thanh S.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 590 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Thanh S bồi thường thiệt hại cho anh Lê Thanh C số tiền là 40.000.000đ;

Buộc bị cáo Trần Thanh S bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Khoa N số tiền là 6.310.000đ;

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) của bị cáo Trần Thanh S, theo biên lai thu tiền số 000220, ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự T hành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 001529 ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai để đảm bảo việc thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Thanh S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Anh Lê Thanh C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố Biên Hoà (2);
- VKSND thành phố Biên Hoà;
- Công an thành phố Biên Hoà;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hoà;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo
- Bị hại
- Luật sư
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thành Lượng